

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/DS-PT
Ngày: 09/1/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Trung Trực**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Thúy**

Bà **Hoàng Thị Thu Lan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông **Trần Lương Tuấn** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 1 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2017/TLPT-DS ngày 01/12/2017 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 376/2017/QĐ - PT ngày 21 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 01/2018/QĐ - PT ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Công ty C (C).

Địa chỉ: Số 22 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đ– Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T – Cán bộ Ngân hàng D (Văn bản ủy quyền số 1277/2017/UQ-VPB ngày 10.8.2017) Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông A – Sinh năm: 1966, Bà B – Sinh năm: 1974 (là vợ Ông A). Vắng mặt tại phiên tòa và Ông A có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 106, B6 phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Hiện trú tại: Phòng 810, chung cư 137 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Ông A là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Công ty C (gọi tắt là C) là nguyên đơn trình bày:

Ngày 24.7.2014, vợ chồng Ông A, Bà B đã ký hợp đồng tín dụng số 1498328 với Ngân hàng D (gọi tắt là D) để vay số tiền 6.100.000.000 đồng, với thời hạn vay 300 tháng từ ngày 24.7.2014 đến ngày 24.7.2039, mục đích vay để mua nhà đất. Các bên thỏa thuận mức lãi suất 5%/năm được cố định trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Sau đó lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh kỳ tiếp theo vào ngày 24.01.2015, điều chỉnh sau đó vào ngày 01.4.2015 và điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tương ứng với kỳ hạn của hợp đồng vay tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4,25%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên Ông A, Bà B đã thế chấp tài sản như sau:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 23a, tờ bản đồ số 16-C-II-A, địa chỉ thửa đất tổ 5, cụm 2, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10111131778, hồ sơ gốc số 624.2003/699.2003.QĐ.UB do Ủy ban nhân dân quận Thanh Xuân cấp ngày 21.7.2003. Ngày 16.7.2004 đã đăng ký sang tên cho Ông A, Bà B. Các bên đã ký hợp đồng thế chấp số công chứng 2237/2014; quyền số 02-2014 ngày 22.7.2014 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội.

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 37, địa chỉ thửa đất phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 217518, MS: 5920762 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 24.7.2008 cho Ông A, Bà B.

Ngày 21.7.2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã đổi tên địa chỉ thửa đất từ thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm thành phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm. Các bên đã ký hợp đồng thế chấp số 2243/2014; quyền số 02-2014 ngày 23.7.2014 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ông A, Bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với D và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 17.8.2016, D đã bán khoản nợ này cho C theo hợp đồng mua bán nợ số 2942/2016/MBN.C2-D, cùng ngày C và D đã ký hợp đồng ủy quyền số 2943/2016/UQ.C2-D, theo đó D có quyền thay mặt công ty C khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án Ông A và Bà B đã nộp tổng số tiền 4.000.000.000 đồng để thanh toán khoản nợ, C đã giải chấp tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số nhà 11, ngõ 39, đường Nguyễn Đồng Tri, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Ngày 18/8/2017, C có đơn rút một phần khởi kiện, theo đó C chỉ còn đề nghị Tòa án buộc Ông A, Bà B thanh toán toàn bộ số nợ 4.730.106.999 đồng; nếu không thanh toán thì C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp tại tổ 6, cụm 3, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện cho C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền phạt chậm trả là 497.077.091 đồng và yêu cầu tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2017 Ông A và Bà B còn nợ C số tiền 4.331.996.737 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 2.814.532.355 đồng; Nợ lãi trong hạn: 115.124.619 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.402.339.863 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của Ông A, Bà B, là bị đơn trình bày: Về quá trình ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản đối với Ngân hàng D như nguyên đơn trình bày là đúng. Đến nay Ông A và Bà B đã thanh toán được 4.708.932.908 đồng và đã giải chấp được một tài sản thế chấp. Hiện nay còn nợ C số tiền 4.730.106.999 đồng như C cung cấp tại biên bản hòa giải ngày 18/8/2017, Ông A và Bà B không có ý kiến gì. Đề nghị phía C giảm bớt một phần tiền lãi để Ông A, Bà B có điều kiện thanh toán toàn bộ số nợ, tránh kéo dài.

Tại bản án số 31/2017/DS-ST ngày 29.9.2017 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 – Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 429 – Bộ Luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 – BLDS năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C (C) .

Buộc Ông A, Bà B thanh toán cho Công ty C (C) số tiền 4.331.996.737 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 2.814.532.355 đồng; Nợ lãi trong hạn: 115.124.619 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.402.339.863 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Ông A, Bà B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Công ty C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 23a, tờ bản đồ số 16-C-II-A, địa chỉ số 17, hẻm 1/62/41 phố Bùi Xương Trạch, tổ 5 cụm 2 cũ (nay là tổ 6 cụm 3 phường Khương Đình) quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10111131778, hồ sơ gốc số 624.2003/699.2003.QĐ.UB do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 21.7.2003. Ngày 16.7.2004 đã đăng ký sang tên cho Ông A, Bà B.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm Ông A, Bà B tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1498328 ngày 24.7.2014 giữa Ngân hàng D với Ông A, Bà B, cho đến khi trả xong nợ gốc cho Công ty C.

2. Ông A, Bà B phải chịu 112.331.996 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty C số tiền 57.865.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005030 ngày 02/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm Ông A là bị đơn đã có đơn (ngày 04 tháng 10 năm 2017, nộp ngày 10 tháng 10 năm 2017) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không đến Tòa án để trình bày về việc kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt và không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Đơn kháng cáo của Ông A trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ;

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của Ông A nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

Ông A được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người kháng cáo; và xét các nội dung kháng cáo sau:

1. Ông A kháng cáo về việc xin hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng không được chấp nhận; Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 26/9/2017 Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy nhận được đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ 2 của Ông A với lý do ông đang trong thời gian điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai – Khoa Thăm dò chức năng.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy ngày 26/9/2017 tại Khoa Thăm dò chức năng – Bệnh viện Bạch Mai thể hiện “Qua thăm khám anh A có viêm xuất huyết niêm mạc dạ dày, viêm hành tá tràng, sau khi thăm khám tôi có kê đơn thuốc cho anh A. Sau khi thăm khám anh A về điều trị tại nhà, không nhập viện và không điều trị tại Khoa thăm dò chức năng – Bệnh viện Bạch Mai”.

Như vậy không có căn cứ để xác định việc Ông A xin hoãn phiên tòa là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ông A là đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng cáo này của Ông A không được chấp nhận.

2. Ngoài ra, Ông A kháng cáo toàn bộ bản án nhưng không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

2.1. Về Hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng 1498328 ngày 24/7/2014 được ký giữa Ngân hàng D - Chi nhánh Ngô Quyền với Ông A và Bà B các bên đều thừa nhận là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng tín dụng có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ ngày ký và bên vay là Ông A và bà B đã nhận toàn bộ số tiền vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ông A bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (không trả nợ gốc và lãi) theo kỳ. Vì vậy phía nguyên đơn đã khởi kiện tại Tòa án. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án sơ thẩm ngày 18/8/2017 Ông A, bà B đã nộp tổng số tiền 4.000.000.000 trả nợ, C đã hạch toán thu số tiền 3.200.000.000 vào nợ gốc và 800.000.000 vào nợ lãi, C đã giải chấp tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 37, địa chỉ: Phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ngày 18 tháng 8 năm 2017 C đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu: Ông A, bà B thanh toán toàn bộ nợ gốc: 2.814.532.355 đồng; Nợ lãi trong hạn: 115.124.619 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.402.339.863 đồng. Việc khởi kiện của C yêu cầu Ông A bà B phải trả nợ là phù hợp với pháp luật. Bên phía bị đơn không phản đối, chỉ yêu cầu C giảm bớt một phần tiền lãi để Ông A, bà B có điều kiện thanh toán toàn bộ số nợ. Như vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng, buộc bị đơn là Ông A, bà B phải trả số nợ gốc, lãi và lãi phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên án.

2.2. Về hợp đồng thế chấp tài sản:

Hai bên thỏa thuận sử dụng tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên thể hiện ở 02 Hợp đồng thế chấp, trong đó có 01 tài sản ở phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm mà hai bên đã thỏa thuận giải chấp vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, công chứng số 2237/2014, quyền số 02-2014 ngày 22/7/2014 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội giữa Ông A và Bà B với D như đã nêu ở phần trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Các bên không có phản đối hay có ý kiến gì khác; các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực kể từ ngày ký kết, đăng ký; trong đó có điều khoản: Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi dư nợ của bên thế chấp. Như vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là đúng pháp luật, được chấp nhận; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu này là đúng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Bản án sơ thẩm xét xử là đúng, tuy nhiên cần bổ sung áp dụng điều luật và cách tuyên án; vì vậy cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên.

Do sửa bản án sơ thẩm nên Ông A, bà B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 299, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 – Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011;
- Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* Xử: sửa bản án dân sự sơ thẩm 31/2017/DS-ST ngày 29.9.2017 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C (C).

Buộc Ông A và Bà B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng (số 1498328 ngày 24/7/2014) tính đến ngày 29/9/2017, tổng dư nợ gốc và lãi là: 4.331.996.837 đồng (bốn tỷ, ba trăm ba một triệu, chín trăm chín sáu nghìn, tám trăm ba bảy đồng); Trong đó nợ gốc: 2.814.532.355 đồng (hai tỷ, tám trăm mười bốn triệu, năm trăm ba hai nghìn, ba trăm năm lăm đồng); nợ lãi trong hạn: 115.124.619 đồng (một trăm mười lăm triệu, một trăm hai tư nghìn, sáu trăm mười chín đồng); nợ lãi quá hạn: 1.402.339.863 đồng (một tỷ, bốn trăm linh hai triệu, ba trăm ba chín nghìn, tám trăm sau ba đồng).

2. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật Ông A và Bà B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì Công ty C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất tại thửa đất số 23a, tờ bản đồ số 16-C-II-A, địa chỉ số 17, hẻm 1/62/41 phố Bùi Xương Trạch, tổ 5 cụm 2 cũ (nay là tổ 6 cụm 3 phường Khương Đình) quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10111131778, hồ sơ gốc số 624.2003/699.2003.QĐ.UB do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 21.7.2003 ngày 16.7.2004 đã đăng ký sang tên cho Ông A, Bà B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án (tính tiếp theo sau ngày 29/9/2017) theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số số 1498328 ngày 24/7/2014.

3. Về án phí:

Ông A và Bà B phải chịu 112.331.996 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty C số tiền 57.865.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005030 ngày 02/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Ông A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Ông A 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 2763 ngày 01.11.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 09 tháng 1 năm 2018.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Trung Trực

